

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu công nghiệp Thanh Bình II - Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng chính phủ: Số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1425/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Bình II - Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam;

Căn cứ các văn bản của Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Văn bản, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; số 799/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất (điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024) huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; số

282/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm; số 689/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thanh Bình II;

Xét đề nghị của Công ty TNHH ĐTPT hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Bình tại tờ trình số 01.15/TTr-TB ngày 15/01/2025, và Báo cáo thẩm định số 05/BC-KT&HT ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thanh Bình II - Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thanh Bình II - Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Công ty TNHH ĐTPT hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Bình.

3. Mục tiêu, tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá phương án phát triển Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Cà; Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thanh Bình II được phê duyệt.

- Hình thành Khu công nghiệp tập trung, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Nam nói chung và huyện Thanh Liêm nói riêng, gắn với các công trình hạ tầng khung và phát triển đô thị - dịch vụ đồng bộ, phục vụ công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

3.2. Tính chất: Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ sản xuất tiên tiến và thân thiện với môi trường; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại.

3.3. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 226,6ha.
- Quy mô dân số dự kiến làm việc tại khu công nghiệp: Khoảng 15.000 người.

3.4. Vị trí nghiên cứu lập quy hoạch:

Thuộc địa giới hành chính các xã Thanh Nguyên, Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp dân cư hiện trạng, đường ĐT.495.
- Phía Nam: Giáp dân cư hiện trạng, sông Kinh Thanh.
- Phía Đông: Giáp đường quy hoạch T4, sông Kinh Thanh.
- Phía Tây: Giáp dân cư hiện trạng.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

Các khu chức năng chính trong khu công nghiệp gồm: khu dịch vụ; khu sản xuất công nghiệp, kho tàng; khu cây xanh, mặt nước; khu hạ tầng kỹ thuật khác; giao thông nội bộ và bãi đỗ xe.

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dịch vụ	DV	147.806,1	6,52
2	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	CN	1.577.116,8	69,60
3	Đất cây xanh	CX	226.600,0	10,00
4	Đất mặt nước	MN	14.671,4	0,65
5	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	32.219,2	1,42
6	Đất bãi đỗ xe	P	3.454,6	0,15
7	Đất đường giao thông		264.131,9	11,66
	Tổng cộng		2.266.000,0	100,00

4.2. Quy hoạch sử dụng đất theo cơ cấu chức năng

a) Đất dịch vụ:

- Các khu dịch vụ có tổng diện tích 147.806,1m² (chiếm 6,52% tổng diện tích khu công nghiệp). Bố trí tại các ô đất DV.1, DV.3, DV.4, DV.5 (vị trí phía Bắc tiếp giáp với trục ngang ĐH.05, vị trí phía Tây kết nối với đường quốc lộ 1A) xây dựng các công trình trung tâm điều hành, dịch vụ phục vụ người lao động làm việc trong khu công nghiệp và cư dân; với kiến trúc hiện đại tạo không gian kiến trúc, cảnh quan trên các tuyến đường; mật độ xây dựng tối đa 50% (tùy theo diện tích lô đất và chiều cao công trình), tầng cao tối đa 15 tầng trên mặt đất, tối đa 05 tầng hầm, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 10m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

b) Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng:

- Các khu sản xuất công nghiệp, kho tàng có tổng diện tích 1.577.116,8m² (chiếm 69,60% tổng diện tích khu công nghiệp). Bố trí tại các ô đất CN.03; CN.04; CN.05; CN.06A; CN.07; CN.10A; CN.10B; CN11; CN.12 (đối với ô đất CN.10B dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ) xây dựng các công trình nhà máy, kho tàng (bao gồm cả các công trình hành chính, dịch vụ của từng nhà máy) tiếp giáp với các trục đường nội bộ trong khu công nghiệp; mật độ xây dựng tối đa 70%, tầng cao tối đa 05 sàn trên mặt đất, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; hầm, hào theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định.

c) Đất cây xanh, mặt nước:

- Khu cây xanh có tổng diện tích 226.600,0m² (chiếm 10,0% tổng diện tích khu công nghiệp), gồm khu cây xanh cách ly bao quanh khu công nghiệp, trạm

xử lý nước thải, khu vực bãi đỗ xe với chiều rộng dải cây xanh cách ly $\geq 10\text{m}$, đối với khu vực gần dân cư được tăng bề rộng dải trồng cây xanh. Bố trí dải cây xanh mặt nước kết hợp với tuyến đường giao thông hình thành trục cảnh quan chính trong khu công nghiệp.

- Mặt nước có tổng diện tích $14.671,4\text{m}^2$ (*chiếm 0,65% tổng diện tích khu công nghiệp*).

d) *Đất hạ tầng kỹ thuật khác (Trạm xử lý nước thải, trạm điện 110kV, bơm tăng áp PCCC...)*: Các khu hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích $32.219,2\text{m}^2$ (*chiếm 1,42% tổng diện tích khu công nghiệp*). Bố trí tại các ô đất HTKT.1÷ HTKT.3 (*vị trí phía Tây Nam tiếp giáp các đường chính và nội bộ của khu công nghiệp*) mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 3 tầng trên mặt đất, tối đa 01 tầng hầm, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với chỉ giới đường đỏ, ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; quy mô diện tích các công trình được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

e) *Đất giao thông, bãi đỗ xe*:

- Đất giao thông: Có tổng diện tích $264.131,9\text{m}^2$ (*chiếm 11.66% tổng diện tích khu công nghiệp*).

- Bãi đỗ xe diện tích $3.454,6\text{m}^2$ (*chiếm 0,15% tổng diện tích khu công nghiệp*): Bố trí phía Bắc khu công nghiệp tiếp giáp với đường trục đường ĐH.05, có mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 1 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với chỉ giới đường đỏ, ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

5. Quy hoạch tổ chức không gian, thiết kế cảnh quan và thiết kế đô thị:

Kiến trúc cảnh quan dọc các trục đường chính: Xác định trên các trục đường giao thông (*tuyến đường rộng 54m, 30m và đường chính khu công nghiệp rộng 36m*), yêu cầu khoảng lùi tối thiểu 10m đối với đất dịch vụ và lùi tối thiểu 6m đối với đất sản xuất công nghiệp, kho bãi so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu xây dựng theo hướng xanh, phù hợp với không gian, cảnh quan chung của khu vực.

Các khu vực không gian mở, các công trình điểm nhấn: Được xác định tại khu vực xây dựng các công trình dịch vụ, cây xanh công cộng, mặt nước; tại các khu vực nút giao thông chính đô thị (*giữa đường 30m và đường 54m*) được tổ chức không gian với đảo xanh kết hợp hệ thống đèn điều khiển giao thông đảm bảo an toàn theo quy định. Các công trình điểm nhấn được xác định tại các vị trí có lợi thế về không gian như các công trình dịch vụ có quy mô, hình khối lớn, với hình thức kiến trúc hiện đại được định dạng mặt đứng với tầng cao tối đa 15 tầng, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 10m, kết hợp cây xanh, đèn trang trí tại các công trình góp phần nâng cao giá trị kiến trúc cảnh quan.

Các xí nghiệp công nghiệp bố trí dọc theo các tuyến đường được quản lý xây dựng theo một tổng thể hài hoà về hình thức kiến trúc, đảm bảo mỹ quan cho khu công nghiệp. Các xí nghiệp công nghiệp khi xây dựng phải tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu quy hoạch, cao độ san nền, mật độ xây dựng, tầng cao,

hình khối màu sắc kiến trúc, tổ chức cây xanh sân vườn theo điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng. Các lô đất xây dựng nhà xưởng được bố trí linh hoạt theo từng mặt bằng, có diện tích tùy theo yêu cầu của các doanh nghiệp và phù hợp với QCVN 01:2021/BXD.

Cây xanh kết hợp với mặt nước được bố trí thành khu tập trung hoặc thành dải dọc theo hàng rào, các tuyến đường giao thông, xung quanh khu điều hành và khu kỹ thuật đảm bảo khoảng cách ly, cải thiện vi khí hậu và tạo cảnh quan cho toàn khu.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

Giao thông ngoài khu công nghiệp tuân thủ theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Cà và Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thanh Bình II được phê duyệt.

b. Giao thông khu công nghiệp:

Bao gồm các tuyến đường nội bộ khu công nghiệp được bố trí theo dạng ô bàn cờ thuận lợi cho việc lưu thông trong khu công nghiệp:

- Mặt cắt 1-1 (Áp dụng tuyến số 4) rộng 36,0m: 5m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 5m (phân cách) + 10,5m (lòng đường) + 5m (hè).
- Mặt cắt 2-2 (Áp dụng tuyến số 5 và tuyến số 6) rộng 24,5m: 7m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 7m (hè).
- Mặt cắt 3-3 (Áp dụng tuyến số 3, tuyến số 5, tuyến số 7, tuyến số 8) rộng 20,5m: 7m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 3m (hè).
- Mặt cắt 4-4 (Áp dụng tuyến số 3) rộng 29,0m: 7m (hè) + 15,0m (lòng đường) + 7m (hè).
- Mặt cắt 5-5 (Áp dụng tuyến số 4P và tuyến số 4T) rộng 18,0m: 2,5m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 5m (hè).

c. Bãi đỗ xe: Bố trí phía Bắc khu công nghiệp (đối với các lô đất dịch vụ, sản xuất công nghiệp, kho tàng phải bố trí đủ diện tích bãi đỗ xe trong lô đất theo nhu cầu và quy định); tổ chức giao thông lối ra, vào riêng biệt, kết hợp hệ thống cây xanh cảnh quan.

d. Nút giao thông: Tổ chức các nút giao đồng mức, bố trí đảo dẫn hướng, các làn xe rẽ phải (hạn chế các điểm xung đột trực tiếp) bố trí dải phân cách kết hợp với đèn tín hiệu giao thông, biển báo và vạch sơn kẻ đường theo trên cơ sở đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và các yếu tố cảnh quan chung của khu vực.

6.2. Quy hoạch san nền:

- Cao độ san nền đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Thanh Bình II được duyệt, đảm bảo khả năng kết nối khu dân cư và các tuyến đường theo quy hoạch.

- Cao độ tìm các tuyến đường giao thông là +3,0m; cao độ san nền hoàn thiện tối thiểu bằng cao độ tìm đường giao thông tại các vị trí tương ứng (cao độ san lấp

thấp hơn cao độ san nền hoàn thiện khoảng 0,3m), độ dốc san nền theo quy định, đảm bảo thoát nước thuận lợi.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: khoảng 9.200 m³/ngày đêm.
- Nguồn nước: Từ đường ống cấp nước D630, D355 trên hè tuyến đường Quốc lộ 1A ở phía Tây dự án (*từ nhà máy cấp nước sạch Thanh Liêm theo Quy hoạch*).

a. Mạng lưới đường ống:

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dạng mạch vòng kết hợp với nhánh cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục; đi ngầm trên vỉa hè dọc theo các tuyến chính, đường nội bộ và dải cây xanh.

- Bố trí 02 mạng lưới cấp nước gồm: Mạng lưới cấp nước phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất với đường kính ống từ D160-D355 và mạng lưới cấp nước phục vụ cho PCCC với đường kính ống từ D160-D355; vật liệu ống là HDPE.

b. Cấp nước chữa cháy:

- Bố trí các trụ cứu hỏa trên các tuyến ống cấp nước có đường kính từ 100mm trở lên với khoảng cách tối đa 150m/trụ, bố trí tiêu đội PCCC tại ô đất hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp.

- Hạng chữa cháy bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy như: ở ngã ba, ngã tư đường phố.

6.4. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt độc lập với hệ thống thoát nước thải được thiết kế đảm bảo thoát theo nguyên tắc tự chảy.

- Lưu vực thoát nước: chia thành 02 lưu vực chính, hướng thoát chung về kênh tiêu KN11, kênh KN, sau đó thoát ra sông Đáy qua trạm bơm Kinh Thanh.

+ Lưu vực 1 (*phía Tây kênh tiêu KN11*): hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông về kênh tiêu KN11.

+ Lưu vực 2 (*phía Đông kênh tiêu KN11 và phía Tây kênh KN*): hướng thoát nước chính tập trung vào kênh KN (phía Đông), một phần thoát về kênh tiêu KN11 (phía Tây).

- Hệ thống thoát nước mưa được bố trí trên vỉa hè và dải cây xanh, gồm các tuyến rãnh kích thước B600÷B1200 kết hợp với rãnh ngầm, cống tròn bê tông cốt thép D600÷D1800 và cống hộp bê tông cốt thép BxH=1500X1500 ÷ BxH=3000X2000. Trong đó, cống hộp BTCT kích thước BxH 2500x2000 và 3000x2000 nối thông mặt nước tại các vị trí qua đường giao thông. Khu vực giáp ranh dự án xây dựng mương thu nước hở phù hợp đảm bảo thu thoát nước cho khu vực.

- Hoàn trả kênh tưới NT3 vào dải cây xanh cách ly phía Tây ô đất dịch vụ và sản xuất công nghiệp bằng mương hở mặt cắt kênh hình chữ nhật Bđáy = 1,5m, đoạn qua đường giao thông được hoàn trả bằng cống hộp bê tông cốt thép B1500xH1500 (*cụ thể hướng tuyến, quy mô kích thước cống được thỏa thuận với cơ quan chức năng theo quy định*).

6.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải

- Tổng lưu lượng thoát nước thải: khoảng 6.100 m³/ngày đêm.
- Hướng thoát nước chính: từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây.
- Hệ thống thoát nước thải được bố trí độc lập với hệ thống thoát nước mưa.
- Mạng lưới thu gom nước thải gồm các tuyến cống có đường kính D400÷D600 đi ngầm trên vỉa hè dọc theo các tuyến chính, đường nội bộ và dải cây xanh. Có bố trí thêm một số trạm bơm chuyển bậc (tại ô đất cây xanh hoặc hạ tầng..) kết hợp ống áp lực có đường kính D160÷ D225 để giảm độ sâu chôn cống. Sử dụng vật liệu là cống HDPE...
- Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 8.300 m³/ngày đêm tại ô đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT), được chia thành các giai đoạn phù hợp với nhu cầu, bố trí hồ sơ cố theo quy định, nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là mương tiêu KN11 phía Tây ô đất HTKT.

b. Vệ sinh môi trường

- Lượng chất thải rắn của KCN dự kiến là 68 tấn/ngày đêm.
- Chất thải rắn công nghiệp phải được phân định, phân loại riêng với chất thải nguy hại, trường hợp không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.
- Có sự phân loại rác ngay từ nguồn thải để thuận tiện trong thu gom, vận chuyển và tái sử dụng.
- Đối với rác thải thông thường: Được phân loại riêng và thu gom cho toàn khu công nghiệp. Định kỳ, đơn vị thu gom sẽ thu gom và vận chuyển đến điểm xử lý rác tập trung.
- Đối với rác thải nguy hại: Các nhà đầu tư thứ cấp sẽ ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị thu gom, xử lý đảm bảo quy định.

6.6. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện: khoảng 56 MVA.
- Nguồn điện: Lấy từ Trạm 110kV/35(22)kV Thanh Bình bố trí phía Tây khu công nghiệp; hoặc trong trường hợp cần thiết, tạo tính chủ động, liên tục trong cung cấp nguồn điện cho khu công nghiệp, bố trí quỹ đất thuộc ô đất hạ tầng kỹ thuật HTKT.2 của khu công nghiệp để làm trạm 110kV/35(22)kV với công suất 2x63MVA (Giai đoạn 2030: 1x63MVA, giai đoạn sau 2030: 1x63MVA), phương án đấu nối điện sẽ được Chủ đầu tư thỏa thuận ở bước sau.
- Trạm điện: Để đảm bảo tính mỹ quan và an toàn trong vận hành của Khu công nghiệp bố trí các trạm biến áp 22/0,4kV tại các ô đất dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, bãi đỗ xe... để phục vụ cho hạ tầng chung của Khu công nghiệp như: chiếu sáng đường giao thông, trạm bơm phòng cháy, trạm xử lý nước thải, khu dịch vụ...
- Giải pháp cấp điện:

+ Tuyến đường dây 110kV: Dự kiến được bố trí nằm trên dải phân cách giữa của tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Thanh Bình II với đường Quốc lộ 1A và tuyến đường số 4 của khu công nghiệp, sử dụng các cột néo đơn thân.

+ Hệ thống cấp điện trung áp 22kV cho Khu công nghiệp được thiết kế dạng mạch vòng để tăng độ ổn định. Tại tất cả các đầu đường trục và đầu đường nhánh lắp đặt máy cắt Recloser để bảo vệ cho từng lộ đường dây.

+ Các lộ tuyến 22kV được bố trí nổi trên cột bê tông li tâm cao trên 14m dọc vỉa hè tuyến đường nội bộ, các vị trí cắt qua đường có thể đi ngầm. Dây dẫn trên không có tiết diện đảm bảo khả năng truyền tải có tiết diện $> 150\text{mm}^2$.

- Hệ thống chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng đường giao thông được thiết kế đảm bảo theo TCXDVN 259:2001 và QCVN 07-7:2023/BXD.

+ Hệ thống chiếu sáng được thiết kế hàng cột dọc vỉa hè và tùy theo mặt cắt đường.

+ Hệ thống đèn được điều khiển bằng tủ điện điều khiển cảm ứng theo thời gian kết hợp với điều khiển bằng aptomat.

6.7. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thông tin liên lạc: Khoảng 3.350 thuê bao (*không bao gồm thuê bao điện thoại di động, thuê bao Internet băng rộng di động-4G,5G..*).

- Nguồn cấp: Từ vị trí đầu nối với tín hiệu cáp thông tin dẫn từ trạm vệ tinh gần nhất.

- Bố trí hệ thống mạng truyền dẫn cáp quang đi ngầm trên hè đường và dải cây xanh trong các tuyến ống và hố ga kỹ thuật. Đặt hệ thống ống và hố ga kỹ thuật chờ sẵn cho các nhà cung cấp dịch vụ sau này kéo cáp. Trong quá trình đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư làm việc với cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện việc đầu tư hạng mục mạng truyền dẫn cáp quang đảm bảo đầu tư xây dựng đồng bộ.

- Sử dụng vật liệu mạng công chủ yếu là ống nhựa UPVC.

7. Các nội dung khác: Theo báo cáo thẩm định số 05/BC-KT&HT ngày 16/01/2025 của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

Điều 2. Phòng Kinh tế & hạ tầng phối hợp Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Bình chủ trì phối hợp với UBND xã Thanh Nguyên, UBND xã Thanh Hải thuộc huyện Thanh Liêm tổ chức công bố công khai Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thanh Bình II - Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam được duyệt để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định; xác nhận, công bố Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thanh Bình II – Giai đoạn I, tỉnh Hà Nam”.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện Thanh Liêm; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; chủ tịch UBND xã Thanh Nguyên, UBND xã Thanh Hải thuộc huyện Thanh Liêm và Tổng giám đốc Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Xây dựng (để b/c);
- TTHU (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đào Tuấn Anh